



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT  
**CHUONG DUONG**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009**









## Mục lục

Phát Biểu Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	5
Tổng Quan Về Công Ty	9
Định Hướng Phát Triển 2008 - 2012	13
Ban Lãnh Đạo CDBECO	17
Giới Thiệu Sản Phẩm	21
Công Nghệ và Chất Lượng	33
Báo Cáo Tài Chính 2009	41
• Báo Cáo Của Ban Giám Đốc	42
• Báo Cáo Kiểm Toán	46
• Bảng Cân Đối Kế Toán	47
• Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động kinh doanh	51
• Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	53
• Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	56
• Chỉ tiêu kế hoạch 2010	80



CHUONG DUONG

CHUONG DUONG

CHUONG DUONG

CHUONG DUONG

CAM  
CHUONG DUONG

## PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

"... ngành công nghiệp sản xuất bia rượu – nước giải khát sẽ phát triển theo hướng bền vững thành một ngành kinh tế quan trọng, chú trọng việc sản xuất ra nhiều sản phẩm, đa dạng về mẫu mã cùng chủng loại, có uy tín, đảm bảo ATVSTP cho người tiêu dùng."

**N**ăm 2009, kinh tế Việt Nam phải đối đầu với việc khủng hoảng tài chính thế giới và việc suy thoái kinh tế toàn cầu lan rộng, thị trường chứng khoán trong nước liên tục giảm mạnh, hệ thống tín dụng, lãi suất ngân hàng luôn biến động, giá cả nguyên, vật liệu liên tục tăng . . . trước tình hình đó Chính phủ đã đưa ra hàng loạt các giải pháp nhằm kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế trong nước, duy trì mức tăng trưởng hợp lý. Dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp từ Trung ương đến địa phương, sự đồng tâm hợp lực của toàn dân cùng với các doanh nghiệp Việt Nam sau một năm với sự nỗ lực quyết tâm đã giúp nước ta vượt qua được những khó khăn trước mắt, đạt được những kết quả khá quan.

Ngày 21/5/2009 Bộ Công Thương đã ra Quyết định số 2435/QĐ-BCT của Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Bia Rượu Nước Giải Khát của Việt Nam đến năm 2015.

Với quy hoạch này, ngành công nghiệp sản xuất bia rượu – nước giải khát sẽ phát triển theo hướng bền vững thành một ngành kinh tế quan trọng, chú trọng việc sản xuất ra nhiều sản phẩm, đa dạng về mẫu mã cùng chủng loại, có uy tín, đảm bảo ATVSTP cho người tiêu dùng.

Riêng ngành nước giải khát, mục tiêu cũng được đặt ra, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành nước giải khát giai đoạn 2010 là 12% / năm, từ năm 2012 đến 2015 là 13% /năm. Năm 2010 là 2 tỷ lít nước giải khát và từ năm 2012 đến 2015 là 4 tỷ lít nước giải khát.

Với sản lượng hàng năm từ 35 triệu đến 40 triệu lít nước giải khát, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương cũng đã đóng góp một phần đáng kể cho ngành sản xuất NGK của nước nhà.

Chương Dương có một lợi thế từ bao đời nay là sản phẩm nước giải khát Sả xị, Soda sản phẩm này đã tạo nên tên tuổi của Công ty qua bao thập niên; tuy nhiên xu thế hiện nay, người tiêu dùng cũng đã thay đổi quan niệm, ngoài việc quan tâm đến dòng sản phẩm truyền thống, người tiêu dùng còn quan tâm đến các dòng sản phẩm khác đáp ứng được các nhu cầu thị trường hiện nay như dòng nước giải khát bổ dưỡng, có nhiều chức năng trị liệu v.v. những dòng sản phẩm này đang chiếm ưu thế và đạt một tỷ trọng khá lớn trên thị trường, việc sản xuất ra dòng sản phẩm này cũng là một áp lực lớn đối với Công ty vốn bao đời nay sản xuất những sản phẩm truyền thống như Sả xị, cam, soda . . .

Với 5 nhóm giải pháp mà Bộ Công Thương quy hoạch cho ngành BR-NGK, đó là Thị trường – Xây dựng thương hiệu sản phẩm – Đầu tư – Phát triển sản xuất nguyên liệu bao bì – Đào tạo nguồn nhân lực và Tài chính. Với 5 nhóm giải pháp này, để Chương Dương phát triển mạnh, bền vững cần phải có một sức bật vượt trội mà đó là một thách thức lớn đối với một công ty sau 5 năm thực hiện cổ phần hóa.

Năm 2009, Công ty đã hoàn thành xuất sắc về doanh thu và lợi nhuận, Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2009 đạt 98,08% mục tiêu kế hoạch bằng 100,05% thực hiện cùng kỳ năm 2008. Doanh thu bán hàng đạt 101,29% kế hoạch doanh thu năm 2009 và vượt 16,50% so với cùng kỳ năm 2008. Lợi nhuận trước thuế đạt vượt 137,45% kế hoạch năm 2009 và vượt 136,87% so với thực hiện cùng kỳ năm 2008. Lợi nhuận sau thuế đạt vượt 133,77% kế hoạch năm 2009 và vượt 139,29% so với thực hiện cùng kỳ năm 2008. Nộp ngân sách nhà nước vượt 12,83% kế hoạch năm 2009 và vượt 102,96% so với thực hiện cùng kỳ năm 2008. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 100% so với kế hoạch năm 2008.

Bước vào năm 2010, năm được đánh giá khá lạc quan về tình hình kinh tế Việt Nam dần hồi phục,



Ban Lãnh đạo CDBECO tiếp tục thực hiện trước những thành quả đã đạt được của năm 2009, năm 2010 mục tiêu trọng tâm là tập trung vào việc duy trì sự phát triển sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận; tuân thủ các quy định pháp luật, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý; mở rộng thị trường tiêu thụ ở miền Bắc Trung bộ và Bắc bộ, phát triển mạnh hơn nữa các sản phẩm hiện có và cho ra đời thêm dòng sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng; thực hiện chính sách chăm lo, ổn định đời sống của CB.CNV Công ty ngày càng tốt hơn.

Năm 2010, Công ty tiếp tục đầu tư vào dự án di dời nhà máy tại khu công nghiệp Mỹ Phước 3 (tỉnh Bình Dương), theo đó nhà máy mới được đầu tư xây dựng với công suất 50 triệu lít/năm, cải tiến công nghệ, trang thiết bị, sẵn sàng cho ra đời những dòng sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng; hoàn thiện đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, mở rộng thị phần, phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm trên toàn quốc; hợp tác với các nhà thầu có năng lực xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê, căn hộ tái định cư trên diện tích 20.000 m<sup>2</sup> tại số 379 Bến Chuông Dương – Quận 1 sau khi di dời.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2010, CDBECO mong rằng Ban Điều hành, đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình, sáng tạo, nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững chung; quý cổ đông luôn ủng hộ, sát cánh từng bước tiến của Công ty. Đặc biệt, CDBECO rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo kịp thời của Bộ Công Thương, Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO), UBND Thành phố Hồ Chí Minh, các ban ngành Trung ương và địa phương. Với quyết tâm trở thành một trong những công ty nước giải khát nội địa hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nước giải khát, cộng với sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị, sự năng động sáng tạo, nhiệt tình của toàn thể CB.CNV, tôi tin tưởng CDBECO tiếp tục kế thừa và phát huy tốt thành quả đã đạt được trong thời gian qua, hoàn thành thắng lợi mục tiêu và nhiệm vụ năm 2010.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chuông Dương; tôi trân trọng ghi nhận, gửi lời tri ân sâu sắc đến quý cổ đông, các nhà đầu tư, các đơn vị đối tác, đặc biệt là quý khách hàng đã luôn đặt niềm tin, đồng hành cùng công ty trong suốt thời gian qua, mong tiếp tục nhận được sự đồng hành trong thời gian tới.

Cám ơn Ban Lãnh Đạo SABECO, các ban ngành hữu quan đã tích cực giúp đỡ, cảm ơn những nỗ lực đóng góp của tất cả thành viên công ty góp phần vào sự phát triển bền vững và liên tục của Công ty, hy vọng năm 2010 và trong những năm tới sẽ đạt được những bước đột phá mới ./.

Trân trọng



Hoàng Chí Thành  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





CD  
CÔNG TY NƯỚC GIẢI KHÁT CHUONG DUONG  
NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS  
230ml  
THỂ TÍCH THỰC 230ml

CHUONG DUONG

# TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

## Những thông tin chung về công ty

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUONG DUONG  
Tên tiếng Anh: CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY  
Tên viết tắt: CDBECO  
Mã chứng khoán: SCD

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 02/06/2004, thay đổi lần 2 ngày 28/05/2008.

Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đ (Tám mươi lăm tỉ đồng)  
- Cơ cấu cổ đông ngày đăng ký cuối cùng 18/03/2010 để chốt danh sách Đại Hội Cổ Đông thường niên 2010 và chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 vào ngày 25/04/2010 như sau:

Tổ chức trong nước :06 tổ chức, nắm giữ: 6.691.030 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 78,70%, trong đó:

- Tổng Công ty cổ phần Bía Rượu NGK Sài Gòn (SABECO) nắm giữ 4.335.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51%.
- Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Tín nắm giữ 1.100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 12,90%.
- Quý đầu tư SABECO 1 nắm giữ: 926.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 10,90%

Cá nhân trong nước : 675 cổ đông, nắm giữ 952.440 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 11,20% và không có cá nhân nào nắm giữ tỷ lệ 1%.

Tổ chức nước ngoài: 04 tổ chức, nắm giữ: 555.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 6,50%, trong đó

- Có 01 tổ chức quốc tịch LUXEMBOURG sở hữu: 438.570 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 5,20%

Cá nhân nước ngoài : 53 cổ đông nắm giữ: 300.990 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,50%, chủ yếu cổ đông có quốc tịch Nhật Bản.

- Thông tin cổ phiếu  
KL CP đang niêm yết: 8.500.000 cp  
KL CP đang lưu hành: 8.477.640 cp

Tổng số lao động: 470 người.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh các loại đồ uống;
- Sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ liên quan đến tinh vực đồ uống.
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

Công Ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương là thành viên của:

- Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn
- Hiệp hội Bia - Rượu - NGK Việt Nam trực thuộc Bộ Công Thương.
- Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam Chất Lượng Cao.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 379 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 38367 518 - 38368 747

Fax: (84-8) 38367 176

Website: [chuongduong.com.vn](http://chuongduong.com.vn) hoặc [cdbeco.com.vn](http://cdbeco.com.vn)

Các chi nhánh của Công ty đặt tại:

Tp. HCM: VITA: 577 Hùng Vương - Q.6 (Địa chỉ cũ: 193 Kinh Dương Vương, P.12, Q.6)

Vinh Long: 176/5 Phạm Hùng, P.9, Thị xã Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

## Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công Ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương tiền thân là nhà máy USINE BELGIQUE, được xây dựng năm 1952 trực thuộc tập đoàn B.G.I (Pháp quốc). Trước năm 1975, là nhà máy sản xuất nước giải khát lớn nhất Miền Nam Việt Nam.

- Năm 1977, nhà máy được tiếp quản và trở thành nhà máy quốc doanh với tên gọi Nhà máy nước ngọt Chương Dương. Từ năm 1993 là Công ty Nước giải khát Chương Dương.
- Năm 2004, Công ty chuyển thành Công Ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương theo Quyết định số 242/ 2003/ QĐ - BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp, và theo giấy đăng ký kinh doanh số: 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/06/2004, thay đổi lần 2 ngày 26/05/2008.

Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương đã được tổ chức TUV cấp chứng nhận ISO 9001:2000 ngày 26/11/2003 và tổ chức Quacert cấp chứng nhận ISO 9001:2000 ngày 06/12/2003 và được tái cấp giấy chứng nhận ngày 22/5/2007.

## Thành tích từ sau khi cổ phần hóa đến nay

Năm 2004 :

- Giấy khen của Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ khác trong 5 năm (2000-2004).
- Giấy khen của Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

Năm 2005 :

- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ về thành tích xuất sắc trong công tác ATVSLĐ.

**Năm 2006 :**

- Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và Bảo vệ tổ quốc (QĐ số 342/QĐ – CTN ngày 30/3/2007 do Phó Chủ tịch Trương Mỹ Hoa ký).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
- Sản phẩm Sứ xạ của Công ty đạt TOPTEN sản phẩm thương hiệu uy tín – chất lượng (do Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam công nhận)
- Được báo Sài Gòn Tiếp Thị và người tiêu dùng bình chọn danh hiệu mạnh và hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2006



**Năm 2007 :**

- Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ cho đơn vị có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2005 đến năm 2007 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc (QĐ số 832/QĐ - TTg ngày 27/6/2008 do Phó Thủ Tướng Nguyễn Sinh Hùng ký)
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương cho “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2007” đơn vị có thành tích xuất sắc thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ khác năm 2007.
- Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Công Thương cho đơn vị có thành Tích xuất sắc trong công tác an toàn vệ sinh lao động và Phòng chống cháy nổ năm 2007 (QĐ số 1466/QĐ-BCT ngày 10/3/2008 do Thứ trưởng Đỗ Hữu Hào ký).



**Năm 2008 :**

- Cờ Thi đua của Bộ Công thương “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2008” (Quyết định số 6947/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2008 do Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng ký)





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2008 - 2012



Dự án cao ốc văn phòng 577 Hùng Vương, Quận 6



Dự án Nhà máy sản xuất NGK công suất 60 triệu lít / năm tại KCN Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương

## Định hướng phát triển 2008 - 2012

1. Đưa công ty Chương Dương phát triển bền vững, trở thành một trong những công ty sản xuất nước giải khát nội địa hàng đầu tại Việt Nam, tích cực đóng góp cho sự phát triển của xã hội, góp phần đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Công ty phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng doanh số khoảng 15% đến 20% một năm và đạt doanh số trên 580 tỷ đồng vào năm 2012.
2. Phát triển thương hiệu Chương Dương, đa dạng hoá sản phẩm theo hướng sản xuất các sản phẩm có giá trị dinh dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.
3. Xây dựng Cty CP NGK Chương Dương theo mô hình công ty mẹ, công ty con đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, phát triển ngành kinh doanh bất động sản. Đầu tư cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại; tăng cường mở rộng mối quan hệ liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với các công ty, các đơn vị trong ngành kinh doanh bất động sản.

## Nhiệm vụ trọng tâm 2008 - 2012

1. Di dời & đầu tư nhà máy sản xuất nước giải khát nâng công suất lên 50 triệu lít/ năm, sản xuất hai dòng sản phẩm NGK có gaz và NGK dinh dưỡng.

2. Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu Chương Dương, tiếp tục phát triển dòng sản phẩm nước giải khát dinh dưỡng đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.

3. Hoàn thiện hệ thống kênh phân phối, đào tạo đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp.

4. Tìm kiếm đối tác có năng lực và kinh nghiệm về kinh doanh bất động sản và tuyển dụng, đào tạo cán bộ công nhân viên để đầu tư khai thác và kinh doanh bất động sản tại các mặt bằng:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên thuê tại khu công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương, diện tích 5000 m<sup>2</sup>.
- Số 379 Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, quận 1, Tp. HCM, diện tích 20.496,6 m<sup>2</sup>.
- Số 577 đường Hùng Vương, P12, Q.6, Tp.HCM, diện tích 1.314 m<sup>2</sup>.
- Số 280 đường Gò Dầu, P.Tân Quý, Quận Tân Phú, Tp.HCM, diện tích 1.070 m<sup>2</sup>.
- Số 101 đường số 19 KP 4 Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM, diện tích 7.574 m<sup>2</sup>.



Dự án Nhà văn phòng làm việc và trưng bày giới thiệu sản phẩm tại số 280 đường Gò Dầu, Quận Tân Phú - Tp.HCM







# BAN LÃNH ĐẠO CDBECO

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Hoàng Chí Thành - Chủ tịch hội đồng quản trị
2. Ông Lê Tuấn - Ủy viên
3. Ông Bùi Ngọc Hạnh - Ủy viên
4. Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên
5. Ông Nguyễn Văn Toàn - Ủy viên

## BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Dương Chí Hùng - Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Phạm Hoàng Lương - Ủy viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Ông Hoàng Chí Thành - Tổng giám đốc
2. Ông Võ Văn Tân - Phó TGĐ ĐẦU TƯ
3. Ông Lê Chí Nguyễn - Phó TGĐ Cung Ứng
4. Bà Nguyễn Thị Trọng Hòa - Phó TGĐ SX - KT

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Hoàng Chí Thành



Ông Lê Tuấn



Ông Bùi Ngọc Hạnh



Ông Nguyễn Anh Tuấn



Ông Nguyễn Văn Toàn

## BAN KIỂM SOÁT



Ông Dương Chí Hùng



Ông Phạm Hoàng Lương

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Hoàng Chí Thành



Ông Võ Văn Tân



Ông Lê Chí Nguyễn



Bà Nguyễn Thị Trọng Hòa





# GIỚI THIỆU SẢN PHẨM CDBECO



### Nước giải khát có gaz Saxe

Sản phẩm truyền thống của cty CP NGK Chương Dương và là sản phẩm mang hương vị độc đáo của Việt Nam được khách hàng rất ưa chuộng.

Có thành phần quả và hỗ trợ tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, làm ẩm cơ thể.

## Nước giải khát có gaz Soda water

Sản phẩm quen thuộc của Cty với vị đậm đà đặc trưng riêng, kết hợp chất gaz CO2 tinh khiết.

Đặc biệt, dùng pha chế với chanh + đường, hoặc rượu để tạo nên những thức uống độc đáo theo khẩu vị riêng của mỗi người.





## Nước giải khát có gaz Cam





## Nước uống đóng chai Terrawa

Được khai thác từ nguồn nước ngầm qua xử lý bằng màng thấm thấu ngược và thanh trùng bằng Ozon, UV cho ra sản phẩm giải khát tinh khiết.



## Nước giải khát thảo mộc F5 Hạ Khô Thảo

Tên tiếng anh là Self Heal (tự hàn gắn), có thể sử dụng làm rau nấu canh, thức uống thảo mộc, trà thanh nhiệt. Chức năng thanh nhiệt, hỗ trợ chức năng gan, tốt cho cổ họng và mắt, giúp cơ thể phục hồi khi mệt, chống viêm nhiễm, làm lành các vết thương, các rối loạn nhỏ trong cơ thể, giảm triệu chứng khó chịu của bệnh cao huyết áp. Hạ khô thảo được tìm thấy nhiều ở Châu Âu, Bắc Mỹ, Châu Á và thường được sử dụng như trà thanh nhiệt. Khi uống F5 Hạ Khô Thảo bạn sẽ cảm thấy cơ thể phục hồi nhanh chóng khi bị mệt mỏi bởi cái nắng gay gắt của miền nhiệt đới, cuộc sống sẽ trở nên thú vị hơn.

## Nước trái cây có gaz F5 Cà Rốt Tím

Tập hợp đầy đủ dưỡng chất trong màu tím tự nhiên, quyến rũ và hấp dẫn của nước ép từ củ Cà rốt tím, F5 Cà Rốt Tím là một thức uống độc đáo, mới lạ lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam. Chất màu tím tự nhiên anthocyanins trong củ cà rốt tím là chất chống oxyt hóa mạnh, có công dụng hỗ trợ: bảo vệ tim mạch, ngăn ngừa viêm nhiễm, chống lão hóa và hóa giải độc tố... Nguồn nguyên liệu cà rốt tím được nhập từ Châu Âu và được lựa chọn cũng như xử lý rất kỹ càng, nghiêm ngặt, sản phẩm không dùng chất bảo quản, không dùng phẩm màu. F5 Cà rốt tím có một chút gaz để làm tăng thêm mùi vị của sản phẩm và sẽ ngon hơn khi được ướp lạnh trước khi sử dụng



## Nước giải khát F5 Nha Đam

Đây là sản phẩm được sản xuất từ nước ép Nha Đam, không dùng phẩm màu và chất bảo quản, không gaz giúp bổ sung Vitamin C, đồng thời có tác dụng làm mát, giải nhiệt cho cơ thể, chống lão hóa, dưỡng nhan sắc, hỗ trợ tiêu hóa, chống táo bón, cải thiện tuần hoàn máu, hỗ trợ ngăn ngừa bệnh tiểu đường, tim mạch, tăng cường hệ miễn dịch và hỗ trợ chống viêm nhiễm.





## Nước trái cây có gaz F5 Dứa Nha Đam

Dứa được xem là nguồn cung cấp Kali, Vitamin C, Enzyme Bromelain và một số vi lượng cần thiết hỗ trợ bảo vệ tim, tăng cường hệ miễn dịch, sự tiêu hóa, ngăn ngừa viêm nhiễm. Ngoài ra Dứa còn là nguồn cung cấp Mangan, là thành phần quan trọng trong một số Enzyme tạo năng lượng và chất chống Oxyt hóa..., cần thiết trong sự tạo xương, sụn và làn da đẹp. Nha đam là loại cây quý, có hoạt tính sinh học cao, chống lão hóa, hỗ trợ: sự trao đổi chất, cải thiện tuần hoàn máu, ngăn ngừa bệnh tim mạch và bệnh tiểu đường. sự kết hợp 2 trong 1 của F5 Dứa Nha đam cùng với lượng gaz vừa đủ mang đến 1 hương vị thật đặc biệt với đầy đủ dưỡng chất và sẽ tuyệt vời hơn khi đã được ướp lạnh





## NƯỚC GIẢI KHÁT TRÀ THẢO MỘC "TRÀ XANH + HƯƠNG THẢO"

Trà xanh thảo mộc là thức uống kết hợp độc đáo giữa hai loại thảo mộc là "trà và lá "hương thảo", tạo ra loại nước giải khát uống mát, thanh nhiệt, thư giãn, ...

Trà xanh có nhiều tác dụng tốt đối với sức khỏe của con người. Trà xanh hỗ trợ làm giảm cholesterol trong máu, điều hòa lượng máu trong cơ thể, tăng cường sự thoái hóa của não, giảm stress, tăng cường sức đề kháng; đặc biệt hỗ trợ: ngăn ngừa ung thư, chống lão hóa, làm đẹp da do catechins có khả năng chống rất cao.

Hương thảo: tên tiếng Anh là Rosemary bắt nguồn từ tiếng La tinh có nghĩa là "Sự tươi mát Cửa Biển", là loại lá dùng trong thực phẩm như là chất gia vị rất được ưa thích vì có lợi cho sức khỏe có tác dụng chính giúp thư giãn, giảm stress. Hương thảo chứa các chất: chống oxy hóa, hỗ trợ bảo vệ tế bào não, giúp thư giãn, giảm mệt mỏi, giảm stress; cải thiện sự tuần hoàn máu lên đầu, giúp tăng cường sự tập trung, ngăn ngừa triệu chứng thiếu máu cục bộ ở não; kích thích hệ miễn nhiễm hoạt động tốt hơn; kích thích sự tiêu hóa.

Uống trà xanh Hương thảo sẽ cảm nhận được cảm giá thư thái, tươi trẻ, tinh thần minh mẫn tràn ngập niềm vui.

## F5 – PRETTY SƯƠNG SÁO

F5 Pretty sương sáo là sản phẩm độc đáo kết hợp từ hai nguồn bổ dưỡng "sương sáo + Coenzyme Q10" đem lại cho bạn sự thanh nhiệt, tươi mát, kéo dài tuổi thanh xuân, tăng cường sự hồi phục và nâng cao sức bền cho cơ thể sau chuỗi ngày hoạt động.

Sương sáo cho chúng ta nhiều bổ dưỡng và có lợi ích cho sức khỏe: giải khát, giải nhiệt, thanh lọc độc tố trong cơ thể, mát máu và làm đẹp da, .....

Coenzyme Q10 (CoQ10) là vi chất dinh dưỡng hiện diện ở mọi tế bào của cơ thể. CoQ10 có tính chống oxy hóa có tác dụng hỗ trợ: xúc tác cho quá trình sản sinh năng lượng trong cơ thể, có tác dụng tích cực với chứng mất ngủ, chóng mặt, đau đầu, mệt mỏi, ... và kéo dài tuổi thanh xuân, ngoài ra hỗ trợ bảo vệ tim mạch và tế bào não, tuần hoàn máu, tăng huyết áp, ... sau tuổi 20 mức CoQ10 có khuynh hướng giảm dần (do sự biến đổi các coenzyme Q khác từ các nguồn thực phẩm thành CoQ10 giảm dần theo tuổi). Do đó bổ sung CoQ10 cho cơ thể là điều cần thiết.



### Nước giải khát có gaz Cam, Chanh, Cream soda, Dầu

Cam, Chanh, Cream soda, Dầu  
 Với nhiều hương vị đặc trưng ngon cho người tiêu dùng có nhiều chọn lựa.



### Nước giải khát có gaz Bạc Hà

Ngoài công dụng giải khát nhờ tinh dầu bạc hà trong sản phẩm còn hỗ trợ làm tan phong nhiệt, ra mồ hôi, giảm uất, giải cảm, hỗ trợ tiêu hóa khi đau bụng, đầy bụng, ăn không tiêu.



### Rượu nhẹ chanh tươi CHU-HI

Là loại rượu nhẹ độ (5 độ rượu) pha chế theo công thức của Cty Nhật WalaWang có cốt chanh tươi và Vitamin C cho hương vị thơm dịu và cung cấp thêm chất dinh dưỡng, tạo ra thức uống thích hợp trong và sau khi ăn, đặc biệt là trong các buổi tiệc. Đây là một hàng được Chương Dương gia công xuất khẩu sang Nhật và ngày càng được thị trường này ưa chuộng.



### Rượu nhẹ có gaz Chương Dương

Hương Camus là loại rượu nhẹ độ (5 độ rượu) mùi vị thơm ngon, thuận tiện và phù hợp cho người tiêu dùng, thay thế cho việc pha Soda với rượu.










**CÔNG NGHỆ  
VÀ CHẤT LƯỢNG**

Nhằm đáp ứng niềm tin yêu của khách hàng vào sản phẩm cũng như thương hiệu của công ty, Năm 2007 Công ty CP NGK Chương Dương đã đề ra chính sách chất lượng công ty

## "Thỏa mãn tốt nhất các yêu cầu của khách hàng"

	Ngày ban hành: 12/02/2007	Số hiệu: CSCL – TGD	Lần ban hành: 04
	Người biên soạn:	Người xem xét và phê duyệt:	Lần sửa đổi: (00)
 HOÀNG ĐÌNH QUANG		 HOÀNG CHÍ THÀNH	
<b>CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG CÔNG TY</b>			Số trang: 1/1

Công Ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương quyết tâm trở thành một trong những Công ty nước giải khát nội địa hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước giải khát. Chúng tôi xin cam kết:

Thỏa mãn tốt nhất các yêu cầu của khách hàng.

Chính sách chất lượng này được truyền đạt trong toàn công ty để mọi người thấu hiểu và thực hiện thông qua các hình thức: đào tạo, giải thích, giới thiệu cho CBCNV.

## CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:



1. Kế thừa hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ của tập đoàn BGI Pháp và áp dụng hệ thống quản lý Chất lượng sản phẩm ISO 9001:2000 được chứng nhận bởi tổ chức Quacert từ ngày 06/12/2003 và được tái cấp giấy chứng nhận ngày 22/5/2007.

- Ngoài việc kiểm soát chất lượng tại công ty, theo định kỳ các mẫu nguyên liệu, sản phẩm được kiểm tra chất lượng tại các cơ quan chức năng như Trung Tâm 3 hoặc Trung tâm phân tích thí nghiệm để kiểm soát đối chứng.



Kiểm tra nước

• Các bước kiểm soát sản xuất - chất lượng được nghiên cứu xây dựng thành một quy trình chặt chẽ và đồng bộ từ khâu kiểm tra nguyên liệu đầu vào, thống số sản xuất cho đến thành phẩm.



Kiểm tra nhiệt độ của máy rửa chai



Kiểm tra sản phẩm



Kiểm tra vi sinh sản phẩm



Kiểm tra nguyên liệu

2. Tuân thủ triệt để các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.
3. Trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ công nghệ sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tốt các tiêu chuẩn quy định .



Dây chuyền chiết lon của Ý



Máy kiểm tra chai rỗng



Dây chuyền sản xuất nút khoan SARCMI của Ý



Dây chuyền sản xuất CO2 Wilmann của Mỹ



Dây chuyền chiết chai Krones của Đức

- Được sự tín nhiệm của công ty Nhật WalaWang, công ty Chương Dương tiếp tục gia công rượu Chu - Hi với các hương vị mới từ cốt bưởi, cốt lemon đạt yêu cầu chất lượng cao của Nhật. Trong năm 2010, công ty WalaWang và Chương Dương kết hợp tiếp tục xuất khẩu Chu - Hi sang thị trường Nhật, Mỹ, Nam Phi,...



Sản phẩm Chu - Hi tại siêu thị Nhật



**"Chương nhận NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG là thương hiệu Nổi tiếng tại Việt Nam năm 2008 theo nhận biết của người tiêu dùng"**



Tự hào là "HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO" trong 14 năm liền  
từ 1997 đến 2010







# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

Đã được kiểm toán

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### Công ty

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được chuyển đổi từ Công ty Nước giải khát Chương Dương theo quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002362, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 28 tháng 05 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của công ty: Số 379 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty 85.000.000.000 đồng và được chia thành 8.500.000 cổ phần, trong đó:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ Vốn góp
1	Tổng Công Ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	43.350.000.000	4.335.000	51,00%
2	Cổ đông khác	41.650.000.000	4.165.000	49,00%
	<b>Cộng</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>8.500.000</b>	<b>100%</b>

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung)
- Sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống
- Kinh doanh nhà
- Môi giới bất động sản

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần NGK Chương Dương tại Vĩnh Long	Số 178/5 đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
2	Chi nhánh Công ty CP NGK Chương Dương	577 Hùng Vương, phường 12, Quận 6, Tp. HCM
3	Chi nhánh Công ty CP NGK Chương Dương	Lô D-5B, 5D, 5F-CN, Khu CN Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là: 34.789.781.100 đồng

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là: 10.738.971.349 đồng

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

### **Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Hoàng Chí Thành	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên
Ông Lê Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Hoàng Chí Thành	Tổng Giám Đốc
Ông Lê Chí Nguyễn	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Võ Văn Tân	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trọng Hòa	Phó Tổng Giám Đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Chí Hùng	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Phạm Hoàng Lương	Thành viên
Ông Phạm Việt Bắc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/10/2009)

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Giám Đốc với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kê toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2010

**TM. BAN GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**HOÀNG CHÍ THÀNH**



NUOC GIẢI KHÁT CHAM



CHAM

CHUONG DUONG

Số : 26/2010/BC.TC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Kính gửi:

Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP: HCM, ngày 26 tháng 02 năm 2010

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**



**BÙI VĂN THẢO**

Chứng chỉ kiểm toán viên số : 0522/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LÊ KIM YẾN**

Chứng chỉ KTV số : 0550/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>134.423.396.864</b>	<b>115.196.993.368</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>80.884.891.884</b>	<b>35.307.367.274</b>
1. Tiền	111		38.887.870.233	15.142.752.517
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.997.021.651	20.164.614.757
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>26.367.095.408</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.000.000.000	26.367.095.408
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>18.382.027.812</b>	<b>24.516.377.431</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		16.398.775.203	19.111.007.853
2. Trả trước cho người bán	132		1.104.644.501	4.032.114.762
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	954.845.213	1.432.305.054
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(76.237.105)	(59.050.238)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>21.488.985.069</b>	<b>28.183.174.173</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.293.243.820	29.020.431.215
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(804.258.731)	(837.257.042)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>667.492.079</b>	<b>822.979.082</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		121.556.999	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	83.463.794
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	103.464.845	177.522.011
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		442.470.235	561.993.277



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>61.227.580.179</b>	<b>55.799.624.230</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.800.000</b>	<b>145.950.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.6	65.800.000	145.950.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.050.015.248</b>	<b>32.892.279.422</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	8.205.314.442	8.598.822.067
- Nguyên giá	222		48.085.239.101	44.584.460.968
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.859.924.659)	(35.985.638.901)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	72.868.178	121.226.130
- Nguyên giá	228		145.888.400	145.888.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(73.020.222)	(24.462.270)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	24.772.032.828	24.172.231.225
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	-	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.901.210.405</b>	<b>13.583.087.394</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	15.890.000.000	15.890.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(1.988.789.595)	(2.306.912.606)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.210.554.528</b>	<b>9.178.307.474</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	8.408.054.528	8.025.507.181
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	1.148.300.313
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.804.500.000	4.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>195.650.977.043</b>	<b>170.996.617.658</b>



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>51.741.195.107</b>	<b>44.324.177.009</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.157.731.747</b>	<b>43.928.579.280</b>
2. Phải trả cho người bán	312		19.425.648.110	18.953.098.338
3. Người mua trả tiền trước	313		297.148.278	899.040.460
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	7.781.293.403	4.277.749.355
5. Phải trả người lao động	315		7.970.277.493	5.358.965.647
6. Chi phí phải trả	316	V.15	5.721.001.360	4.998.925.207
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	9.982.383.103	9.340.800.273
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>583.463.360</b>	<b>395.597.729</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	155.750.000	179.900.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.18	-	29.789.453
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		427.713.360	185.928.276
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>143.908.781.936</b>	<b>126.672.440.649</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>142.738.752.210</b>	<b>126.202.691.925</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(347.276.838)	(347.276.838)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		218.604.499	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		40.841.953.321	33.225.185.523
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.259.584.047	3.749.973.308
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.026.915.832	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.738.971.349	4.574.809.932
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.171.029.726	469.748.724
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.171.029.726	469.748.724
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>196.650.977.043</b>	<b>170.996.617.658</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2009	01/01/2009
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công ( VND)	14.301.835.089	832.008.892
4. Nợ khó đòi đã xử lý ( VND)	658.707.882	658.707.882
5. Ngoại tệ các loại		
USD	11.884,48	82.469,75
EUR	288,68	301,20


Lập ngày 02 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Đỗ Thị Thanh Loan

  
Nguyễn Thúy Phương



  
Hoàng Chí Thành

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	319.737.886.538	274.446.102.726
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.21	8.791.895.300	2.303.527.298
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.22	310.945.990.238	272.142.575.430
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	210.187.505.720	180.315.742.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.758.484.518	91.826.832.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	4.338.528.418	7.435.518.481
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	343.814.933	2.809.475.246
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		43.930.471.183	55.092.020.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.634.818.672	10.884.759.180
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.187.908.148	30.476.096.997
11. Thu nhập khác	31		669.650.232	821.112.901
12. Chi phí khác	32		69.889.201	769.125.629

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
13. Lợi nhuận khác	40		599.781.031	51.987.272
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.787.689.179	30.528.083.269
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.26	5.879.397.219	5.440.703.831
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.118.530.860	(458.762.006)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.789.761.100	25.546.141.444
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.27	4.104	3.011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 02 tháng 02 năm 2010  
Tổng Giám đốc


Đỗ Thị Thanh Loan

Nguyễn Thúy Phượng

Hoàng Chí Thành



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2009 ( Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.787.689.179	30.528.083.269
2. Điều chỉnh các khoản			(2.745.650.607)	1.972.276.459
- Khấu hao TSCĐ	02		1.917.231.135	6.965.940.305
- Các khoản dự phòng	03		(333.934.455)	2.546.093.207
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(212.638.949)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.328.947.287)	(7.327.118.104)
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.042.038.572	32.500.359.728
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.507.964.420	(7.105.605.124)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.727.187.395	(11.218.549.399)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.895.620.370	(2.466.240.317)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(502.104.364)	4.512.678.186
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.363.223.703)	(4.948.015.381)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.100.256.735	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.004.864.579)	(3.021.094.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.402.874.846	8.253.533.425

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2009 ( Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.080.579.536)	(5.680.093.062)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	290.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(54.948.935.243)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.387.095.408	79.554.157.194
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.140.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.295.339.621	2.586.988.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.581.855.493	14.662.047.294
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(277.776.838)



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.411.988.000)	(12.156.795.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.411.988.000)	(12.434.571.838)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		45.572.742.339	10.481.008.881
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		35.307.367.274	24.782.981.049
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ	61		4.782.271	43.377.344
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		80.884.891.884	35.307.367.274

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 02 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thanh Loan

Nguyễn Thủy Phương

Hoàng Chí Thành





# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được chuyển đổi từ Công ty Nước giải khát Chương Dương theo quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002382, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 26 tháng 05 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của công ty: Số 379 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty 85.000.000.000 đồng và được chia thành 8.500.000 cổ phần, trong đó:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ Vốn góp
1	Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	43.350.000.000	4.335.000	51,00%
2	Cổ đông khác	41.650.000.000	4.165.000	49,00%
	<b>Cộng</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>8.500.000</b>	<b>100%</b>

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần NGK Chương Dương tại Vĩnh Long	Số 178/5 đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
2	Chi nhánh Công ty CP NGK Chương Dương	577 Hùng Vương, phường 12, Quận 6, TP.HCM
3	Chi nhánh Công ty CP NGK Chương Dương	Lô D-5B, 5D, 5F-CN, Khu CN Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất kinh doanh nước giải khát

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung)
- Sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống
- Kinh doanh nhà
- Môi giới bất động sản

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: nhật ký chung

## IV. Các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quý, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



CHUONG DUONG BIÊN CHUYỂN MỘC QUẢ

**CHUONG  
DUONG**

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng; Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25	Năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 12	Năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10	Năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 5	Năm
- Tài sản cố định vô hình là phần mềm	3	Năm

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **10. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/ USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **• Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



• **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

- **Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### ***Ưu đãi, miễn giảm thuế***

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty là 25%, công ty chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 07/04/2004. Theo điểm 2, Điều 35 Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007. Công ty được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm thứ 3 công ty được giảm 50% thuế TNDN theo Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 với thuế suất 28%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài Chính về việc ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết chứng khoán và Thông báo số 1257/CT-TKN ngày 01/02/2007 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán, Công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 02 năm liên tục kể từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của luật thuế TNDN. Năm 2009 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN theo Công văn 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài Chính với thuế suất 25%

### **14. Quỹ tiền lương**

Quỹ lương năm 2009 của đơn vị được xác định theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 07/03/2009 của Hội đồng quản trị.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Công ty đang phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Điều 2 Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 06/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự phòng tài chính không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ; Trích 10% Quỹ khen thưởng và phúc lợi; Trích 10% Quỹ đầu tư phát triển; Trích lập Quỹ khen thưởng ban điều hành và CBCNV bằng 20% lợi nhuận vượt kế hoạch, tỷ lệ trích có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.



## V. Thông tin bổ sung các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	789.134	830.778
Tiền gửi ngân hàng	38.887.081.099	15.141.921.739
Các khoản tương đương tiền	41.997.021.851	20.184.614.757
<b>Cộng</b>	<b>80.884.891.884</b>	<b>35.307.367.274</b>
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại NH ĐT&PT CN Đầm Sen	-	10.867.095.408
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Công Thương CN 4	13.000.000.000	15.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>26.367.095.408</b>
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu về tiền thuê đất Thiên Phú	-	157.181.920
Phải thu về vật tư xuất gia công	-	15.612.713
Phải thu về vật tư cho Công ty Bia Sài Gòn mượn	-	356.194.405
Phải thu về lãi dự thu khoản tiền gửi có kỳ hạn	916.221.922	882.614.256
Phải thu về trả trước tiền án phí	20.835.000	-
Phải thu thuê thu nhập cá nhân	7.477.432	-
Phải thu khác	10.310.859	20.701.760
<b>Cộng</b>	<b>954.845.213</b>	<b>1.432.305.054</b>

4. Hàng tồn kho	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.291.540.610
Nguyên liệu, vật liệu	19.167.138.516	18.506.448.043
Công cụ, dụng cụ	54.396.309	16.201.038
Chi phí SXKD dở dang	787.191.843	215.522.409
Thành phẩm	2.269.591.738	8.975.793.501
Hàng gửi đi bán	14.925.614	14.925.614
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(804.258.731)	(837.257.042)
<b>Cộng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>21.488.985.089</b>	<b>28.183.174.173</b>

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế xuất, nhập khẩu	25.926.275	65.126.245
Thuế thu nhập cá nhân	77.538.570	112.395.766
<b>Cộng</b>	<b>103.464.845</b>	<b>177.522.011</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6. Các khoản phải thu dài hạn khác	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu CBCNV Cổ phiếu bán trả chậm	65.800.000	145.950.000
<b>Cộng</b>	<b>65.800.000</b>	<b>145.950.000</b>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	4.146.820.470	36.654.730.616	3.233.105.117	549.804.765	44.584.460.968
Tăng trong năm	156.279.926	1.289.822.775	-	34.675.432	1.480.778.133
- Do mua sắm	156.279.926	1.289.822.775	-	34.675.432	1.480.778.133
- Do XDCB				-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Do thanh lý TSCĐ					-
- Giảm khác					-
Số cuối năm	4.303.100.396	37.944.553.391	3.233.105.117	584.480.197	46.065.239.101
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	2.595.084.901	31.332.587.731	1.676.983.712	390.982.557	35.985.638.901
Tăng trong năm	227.489.199	1.265.292.404	300.493.544	81.010.611	1.874.285.758
- Do trích KH TSCĐ	227.489.199	1.265.292.404	300.493.544	81.010.611	1.874.285.758
- Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Do thanh lý TSCĐ					-
- Giảm khác					-
Số cuối năm	2.822.574.100	32.597.880.135	1.977.477.256	461.993.168	37.859.924.659
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.551.735.569	5.322.142.885	1.556.121.405	168.822.208	8.598.822.067
Số cuối năm	1.480.526.296	5.346.673.256	1.255.827.861	122.487.029	8.205.314.442
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					32.037.635.884
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý					479.363.248

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	-	-	-	145.688.400	145.688.400
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	145.688.400	145.688.400
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	-	-	-	24.482.270	24.482.270
Tăng trong năm	-	-	-	48.557.952	48.557.952
- Do trích KH TSCĐ	-	-	-	48.557.952	48.557.952
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	73.020.222	73.020.222
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	-	-	121.226.130	121.226.130
Số cuối năm	-	-	-	72.668.178	72.668.178

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
Chi phí cho quyền sử dụng đất tại KCN Mỹ Phước III	23.486.167.500	23.278.587.500
Chi phí di dời nhà máy NGK Chương Dương	623.915.492	368.047.725
Chi phí cho quyền sử dụng đất tại đường Gò Dầu, Quận Tân Phú	90.909.091	-
Dự án XD nhà VP làm việc và trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Q.Tân Phú	45.454.545	-
Chi phí mua phần mềm ERP	525.586.000	525.586.000
<b>Cộng</b>	<b>24.772.032.628</b>	<b>24.172.231.225</b>



10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty CPĐT & KD CSHT KCN Sabeco	2.250.000.000	2.250.000.000
Công ty CP Bia NGK Sài Gòn Tây Đô	6.500.000.000	6.500.000.000
Quỹ Đầu tư Sabeco 1	7.140.000.000	7.140.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.890.000.000</b>	<b>15.890.000.000</b>
11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty CP Bia NGK Sài Gòn Tây Đô	(1.988.789.595)	(2.037.004.768)
Quỹ Đầu tư Sabeco 1	-	(269.907.838)
<b>Cộng</b>	<b>(1.988.789.595)</b>	<b>(2.306.912.606)</b>
12. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí bao bì chờ phân bổ	8.406.054.528	8.025.507.181
<b>Cộng</b>	<b>8.406.054.528</b>	<b>8.025.507.181</b>
13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ		1.148.300.313
+ Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	117.215.986
+ Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	8.267.033
+ Chi phí trích trước chưa chi	-	699.849.529
+ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	322.967.765
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.148.300.313</b>

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.928.895.297	32.052.310
Thuế TTĐB	100.334.684	127.290.205
Thuế TNDN	2.708.781.423	2.187.383.695
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	1.440.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.036.131.999	1.906.992.000
Các loại thuế khác	7.710.000	24.031.145
<b>Cộng</b>	<b>7.781.293.403</b>	<b>4.277.749.355</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng	3.281.752.328	2.474.879.993
Trích trước chi phí bốc xếp, vận chuyển	1.968.323.899	2.000.000.000
Trích trước tiền thuê đất	-	-
Trích trước thù lao HĐQT, BKS	35.000.000	-
Trích trước chi phí bảo vệ môi trường năm 2009	43.110.144	27.475.698
Chi phí phải trả khác	392.814.989	496.569.515
<b>Cộng</b>	<b>5.721.001.380</b>	<b>4.998.925.207</b>



<b>16. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>01/01/2009 VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	186.354.841	172.844.827
Kinh phí công đoàn	215.851.105	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	9.442.456	9.054.331
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	2.327.448.000	1.743.102.000
Phải trả về cổ tức	6.160.508.000	6.160.508.000
Phải trả CBCNV khen thưởng vượt kế hoạch	1.026.915.832	755.904.384
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.845.069	499.386.731
<b>Cộng</b>	<b>9.962.363.103</b>	<b>9.340.800.273</b>

<b>17. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>01/01/2009 VND</b>
Phải trả về cổ phiếu bán trả chậm TCT Bia Rượu NGK Sài Gòn	155.750.000	179.900.000
<b>Cộng</b>	<b>155.750.000</b>	<b>179.900.000</b>

<b>18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>01/01/2009 VND</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	29.769.453
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>29.769.453</b>

## 19. Vốn chủ sở hữu

### 19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 01)

### 19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Phụ lục số 01)



19.3. Các giao dịch và vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ tức đợt 1 năm 2007 đã chia bằng tiền		2.167.500.000
- Cổ tức đợt 2 năm 2007 đã chia bằng tiền		5.945.135.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia bằng tiền	2.543.292.000	4.238.820.000
- Cổ tức năm 2008 đã công bố và chi trả trong năm 2009	5.934.348.000	5.934.348.000
- Cổ tức năm 2009 (đợt 1) đã chia bằng tiền	5.934.348.000	-
- Cổ tức năm 2009 đã công bố	5.934.348.000	-

Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 07/03/2009 chi trả cổ tức thêm 3% và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 06/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2009 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2008 là 15% (tính trên mệnh giá)

Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/NQ-HĐQT ngày 05/09/2009 đã thông qua việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 là 7% (tính trên mệnh giá)

Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Điều 2 Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 06/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2009

19.4. Cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009	
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000	
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	8.500.000	8.500.000	
+ Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000	
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	22.360	22.360	
+ Cổ phiếu phổ thông	22.360	22.360	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.477.640	8.477.640	
+ Cổ phiếu phổ thông	8.477.640	8.477.640	
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	đồng/cổ phần	10.000	10.000

19.5. Phân phối lợi nhuận	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	4.574.809.932	16.939.068.118
Lợi nhuận tăng trong kỳ	34.789.761.100	25.546.141.444
Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế năm 2008	(14.180.004)	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ thuế TNDN được giảm	(4.597.546.320)	(5.440.703.831)
Trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2007	-	(8.718.786.499)
Trích lập bổ sung quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2007	-	(924.322.140)
Trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2007	-	(365.082.231)
Trả cổ tức 6 tháng cuối năm 2007	-	(5.945.135.000)
Trả cổ tức năm 2008 đã trả 5%	-	(4.238.820.000)
Cổ tức năm 2008 đã công bố 7%	-	(5.934.348.000)
Trả cổ tức năm 2008 bổ sung 3%	(2.543.292.000)	-
Trích thưởng Ban điều hành và CBCNV từ lợi nhuận năm 2007	-	(875.629.643)
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng ban điều hành và CBCNV (20%/LN vượt KH)	(2.053.831.664)	(755.904.384)
Tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển (10%)	(3.019.221.478)	(1.964.687.561)
Tạm trích lập Quỹ dự phòng tài chính (5%)	(1.509.610.739)	(982.333.780)
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)	(3.019.221.478)	(1.964.687.561)
Cổ tức năm 2009 đã trả 7%	(5.934.348.000)	-
Cổ tức năm 2009 đã công bố 7%	(5.934.348.000)	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	10.738.971.349	4.574.809.932

Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Điều 2 Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 06/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2009

## VI. Thông tin bổ sung các khoản mục trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh

20. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	319.737.885.538	274.448.102.728
<b>Cộng</b>	<b>319.737.885.538</b>	<b>274.448.102.728</b>
21. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chiết khấu thương mại	7.395.881.808	750.206.214
Hàng bán bị trả lại	334.432.658	189.091.610
Thuế tiêu thu đặc biệt	1.061.580.834	1.364.228.472
<b>Cộng</b>	<b>8.791.895.300</b>	<b>2.303.527.296</b>
22. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	310.945.990.238	272.142.575.430
<b>Cộng</b>	<b>310.945.990.238</b>	<b>272.142.575.430</b>
23. Giá vốn hàng bán	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm	210.220.504.031	179.998.199.766
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	317.543.001
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.988.311)	-
<b>Cộng</b>	<b>210.187.505.720</b>	<b>180.315.742.767</b>
24. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.160.323.366	7.047.344.374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	168.623.921	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.581.131	175.535.158
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	212.838.949
<b>Cộng</b>	<b>4.338.528.418</b>	<b>7.435.518.481</b>

<b>25. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	838.020.681	490.549.307
Chi phí tài chính khác	23.917.263	12.013.333
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	2.306.912.606
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(318.123.011)	-
<b>Cộng</b>	<b>343.814.833</b>	<b>2.809.475.246</b>
<b>26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	41.787.689.179	30.528.083.269
Các khoản điều chỉnh tăng	288.708.897	8.546.725.902
Lương HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành SXKD	240.000.000	136.500.000
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khoản chi phí không hợp lệ	48.708.897	786.845.088
Khoản trích trước nhưng thực tế chưa chi	-	4.998.925.207
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	-	2.624.455.607
Các khoản điều chỉnh giảm	168.623.921	212.638.949
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế nhận được từ các hoạt động đã chịu thuế TNDN	168.623.921	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện không chịu thuế	-	212.638.949
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	41.907.774.155	38.862.170.222
Thu nhập hoạt động SXKD được giảm thuế TNDN	38.780.370.560	-
Thu nhập khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.127.403.595	-
Thuế thu nhập hiện hành năm 2009 phần được ưu đãi (thuế suất 25%)	9.195.092.640	10.881.407.662
Thuế thu nhập hiện hành năm 2009 phần không được miễn giảm (thuế suất 25%)	1.281.850.899	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(4.587.546.320)	(5.440.703.831)
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.879.397.219</b>	<b>5.440.703.831</b>

<b>27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		(488.531.459)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		29.769.453
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.148.300.313	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(29.769.453)	
	<b>1.118.530.860</b>	<b>(458.762.006)</b>
<b>28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.789.761.100	25.546.141.444
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.789.761.100	25.546.141.444
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	8.477.640	8.493.050
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	-	(15.410)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.477.640	8.477.640
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>4.104</b>	<b>3.011</b>
<b>29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.395.953.791	171.098.188.907
Chi phí nhân công	33.541.696.077	32.258.780.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.917.231.135	8.985.940.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.044.825.883	14.056.291.010
Chi phí khác bằng tiền	29.853.088.699	29.503.354.826
<b>Cộng</b>	<b>273.752.795.575</b>	<b>253.882.555.729</b>

## VII. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	7.389.500.000	7.389.500.000
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Phải trả về cổ phần hóa	106.803.616	—
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Cổ phiếu bán trả chậm	25.550.000	—

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Cổ phiếu bán trả chậm	(155.750.000)	(179.900.000)
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Phải trả về cổ phần hóa	—	(106.803.616)
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Phải trả về cổ tức	(3.034.500.000)	(3.034.500.000)

(\*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

## VIII. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 02 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thanh Loan

Nguyễn Thủy Phương

Hoàng Chí Thành



## 19. Vốn chủ sở hữu

## 19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng nguồn vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	85.000.000.000	(347.276.838)	-	33.225.185.523	3.749.973.308	-	4.574.809.932	126.202.691.925
2. Tăng trong kỳ	-	-	218.604.499	7.616.767.798	1.509.610.739	1.026.915.832	34.789.761.100	45.161.659.968
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	34.789.761.100	34.789.761.100
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	10.153.294.369	10.153.294.369
Trích lập các quỹ	-	-	-	7.616.767.798	1.509.610.739	1.026.915.832	-	10.153.294.369
Tăng khác	-	-	218.604.499	-	-	-	-	218.604.499
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	28.625.599.683	28.625.599.683
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	11.868.696.000	11.868.696.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	16.742.723.679	16.742.723.679
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	14.180.004	14.180.004
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	85.000.000.000	(347.276.838)	218.604.499	40.841.953.321	5.259.584.047	1.026.915.832	10.738.971.349	142.738.752.210

## 19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	01/01/2009
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	43.350.000.000	43.350.000.000
Vốn góp đối tượng khác (*)	41.650.000.000	41.650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>

Cộng

(\*) trong đó số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2009: 22.360 cổ phiếu





## CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2010

CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2010
1	8
<b>SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (Triệu lít/năm)</b>	<b>40.500.000</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	368.305.252.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	9.311.781.069
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01- 02)	358.993.471.160
4. Giá vốn hàng bán	240.299.559.331
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.693.911.828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.000.000.000
7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	345.000.000
8. Chi phí bán hàng	69.549.799.142
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.871.371.162
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	32.927.741.605
11. Thu nhập khác	450.000.000
12. Chi phí khác	8.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	442.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.369.741.605
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	4.171.217.688
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	29.198.523.917
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.444
19. Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	15
20. Nộp ngân sách nhà nước	29.448.116.703
21. Thu nhập bình quân đầu người	5.591.265



**DẤU ẤN THỜI GIAN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

379 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (848) 3836 7518 Fax: (848) 3836 7176  
Website: [www.chuongduong.com.vn](http://www.chuongduong.com.vn)